

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC HK2
MÔN: DƯỠC LIỆU

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBM Lần 1		
					TB Môn	KQ1	
1	2213180023	Ngô Hồng Ngọc	Anh	26/05/1997	02DS14B1	8.4	Đạt
2	2213180051	Lê Thị Mỹ	Anh	24/04/1994	02DS14B1	8.2	Đạt
3	2213180039	Huỳnh Thị Kim	Cương	23/08/1984	02DS14B1	8.3	Đạt
4	2213240091	Thân Thị Hồng	Đào	24/11/1981	02DS14B1	7.4	Đạt
5	2213240191	Nghiêm Bảo	Duy	30/08/1991	02DS14B1	9.6	Đạt
6	2213360339	Nguyễn Thị Xuân	Hân	06/12/1998	02DS14D1	6.7	Đạt
7	2213180027	Võ Thị Kim	Hằng	25/02/1994	02DS14B1	9.1	Đạt
8	2213360331	Trần Thị Thanh	Hằng	07/01/1996	02DS14D1	0.0	Học lại
9	2213360046	Trần Tấn	Hào	08/04/2000	02DS14D1	9.1	Đạt
10	2213240151	Ngô Hữu	Hiếu	26/04/1971	02DS14B1	0.0	Học lại
11	2213240051	Lê Thị Tuyết	Hoa	08/05/1997	02DS14B1	7.7	Đạt
12	2213240198	Lê Thái	Hòa	22/02/1996	02DS14B1	7.4	Đạt
13	2213180059	Nguyễn Thị	Huỳnh	29/06/1991	02DS14B1	8.8	Đạt
14	2213180031	Bùi Thiện	Khánh	14/07/1994	02DS14B1	8.2	Đạt
15	2213240046	Nguyễn Thị Thanh	Kiều	20/06/1987	02DS14B1	8.0	Đạt
16	2213240012	Lê Thị	Mai	02/11/1982	02DS14B1	0.0	Học lại
17	2213240073	Lê Thị Tuyết	Mai	11/06/1995	02DS14B1	9.0	Đạt
18	2213180067	Lê Thị Hồng	Mai	18/05/1983	02DS14B1	8.2	Đạt
19	2213240159	Trần Thụy Kim	Ngân	10/12/1989	02DS14B1	8.1	Đạt
20	2213240078	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	27/12/1997	02DS14B1	9.6	Đạt
21	2213180010	Trần Thị Hoàng Yến	Nhi	01/12/1990	02DS14B1	7.9	Đạt
22	2213240182	Đặng Tuyết	Nhi	03/11/2000	02DS14B1	3.1	Thi lại
23	2213180038	Tạ Tiến	Phát	29/06/1993	02DS14B1	8.5	Đạt
24	2213180066	Trần Đức	Phúc	09/10/1972	02DS14B1	8.0	Đạt
25	2213360044	Phạm Hoàng	Phước	15/02/2004	02DS14D1	7.7	Đạt
26	2213180012	Nguyễn Lan	Phương	10/02/1982	02DS14B1	0.0	Học lại
27	2213240075	Thới Hợp	Phương	20/12/1996	02DS14B1	7.0	Đạt
28	2213240205	Bùi Trúc	Phương	11/05/2002	02DS14B1	5.7	Đạt
29	2213180068	Phạm Thị	Phượng	03/08/1979	02DS14B1	9.1	Đạt
30	2213180022	Vũ Thị	Quyên	02/12/1990	02DS14B1	8.8	Đạt

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC HK2
MÔN: DƯỠC LIỆU

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBM Lần 1		
					TB Môn	KQ1	
31	2213240113	Quách Nguyễn Lệ	Quyên	12/04/1978	02DS14B1	8.6	Đạt
32	2213240103	Nguyễn Thị	Tâm	09/04/1989	02DS14B1	8.6	Đạt
33	2213180024	Hoàng Thị	Thảo	10/09/1990	02DS14B1	8.0	Đạt
34	2213180034	Bùi Thị	Thảo	13/09/1982	02DS14B1	7.6	Đạt
35	2213180048	Mai Quốc	Thịnh	19/11/1987	02DS14B1	0.0	Học lại
36	2213180026	Nguyễn Văn	Thọ	15/12/1992	02DS14B1	8.8	Đạt
37	2213180047	Phạm Thị	Thu	19/07/1980	02DS14B1	7.6	Đạt
38	2213240042	Đỗ Ngọc	Thực	28/12/2000	02DS14B1	7.4	Đạt
39	2213240147	Lê Thị	Thương	10/07/1998	02DS14B1	9.8	Đạt
40	2213240055	Phan Thị Thanh	Thúy	20/09/1998	02DS14B1	8.0	Đạt
41	2213180009	Phạm Thị Thanh	Thủy	23/09/1993	02DS14B1	8.7	Đạt
42	2213240185	Huỳnh Phạm Kiều	Trâm	02/10/1996	02DS14B1	0.0	Học lại
43	2213240076	Đỗ Quế	Trân	22/11/2001	02DS14B1	6.1	Đạt
44	2213240172	Trịnh Ngọc Thùy	Trang	26/11/1996	02DS14B1	7.2	Đạt
45	2213360341	Trần Thị Thùy	Trang	16/03/2002	02DS14D1	0.0	Học lại
46	2213360162	Quách Nguyễn Hoài	Trinh	10/03/1976	02DS14D1	0.0	Học lại
47	2213180053	Huỳnh Thị Quỳnh	Trúc	02/10/1981	02DS14B1	0.0	Học lại
48	2213180058	Nguyễn Thành	Trung	17/10/1987	02DS14B1	0.0	Học lại
49	2213180011	Đàm Ngọc Cẩm	Tú	07/01/1992	02DS14B1	8.5	Đạt
50	2213240130	Lê Thị Yên	Vi	28/04/2003	02DS14B1	2.0	Thi lại
51	2213360271	Nguyễn Thế	Vinh	26/01/2005	02DS14D1	0.0	Học lại
52	2213180052	Nguyễn Thị	Yên	07/03/1995	02DS14B1	7.9	Đạt
53	2213360130	Cao Thụy Minh	Nguyệt	11/23/1989	02DS14D1	8.5	Đạt
54	2203360318	Bùi Thị Kim	Ngân	09/02/1990	02DS14D1	8.6	Đạt
55	2193360268	Nguyễn Cao	Trang	03/05/2002	02DS12D1	6.7	Đạt

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC HK2
MÔN: HÓA DƯỢC - DƯỢC LÝ 1

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBM Lần 1		
					TB Môn	KQ1	
1	2213180023	Ngô Hồng Ngọc	Anh	26/05/1997	02DS14B1	8.1	Đạt
2	2213180051	Lê Thị Mỹ	Anh	24/04/1994	02DS14B1	8.3	Đạt
3	2213180039	Huỳnh Thị Kim	Cương	23/08/1984	02DS14B1	7.0	Đạt
4	2213240091	Thân Thị Hồng	Đào	24/11/1981	02DS14B1	7.5	Đạt
5	2213240191	Nghiêm Bảo	Duy	30/08/1991	02DS14B1	9.7	Đạt
6	2213360339	Nguyễn Thị Xuân	Hân	06/12/1998	02DS14D1	8.2	Đạt
7	2213180027	Võ Thị Kim	Hằng	25/02/1994	02DS14B1	9.0	Đạt
8	2213360331	Trần Thị Thanh	Hằng	07/01/1996	02DS14D1	1.5	Học lại
9	2213360046	Trần Tấn	Hào	08/04/2000	02DS14D1	7.1	Đạt
10	2213240151	Ngô Hữu	Hiếu	26/04/1971	02DS14B1	1.5	Học lại
11	2213240051	Lê Thị Tuyết	Hoa	08/05/1997	02DS14B1	9.2	Đạt
12	2213240198	Lê Thái	Hòa	22/02/1996	02DS14B1	3.6	Thi lại
13	2213180059	Nguyễn Thị	Huỳnh	29/06/1991	02DS14B1	9.4	Đạt
14	2213180031	Bùi Thiện	Khánh	14/07/1994	02DS14B1	9.2	Đạt
15	2213240046	Nguyễn Thị Thanh	Kiều	20/06/1987	02DS14B1	7.8	Đạt
16	2213240012	Lê Thị	Mai	02/11/1982	02DS14B1	1.1	Học lại
17	2213240073	Lê Thị Tuyết	Mai	11/06/1995	02DS14B1	9.6	Đạt
18	2213180067	Lê Thị Hồng	Mai	18/05/1983	02DS14B1	8.5	Đạt
19	2213240159	Trần Thụy Kim	Ngân	10/12/1989	02DS14B1	8.8	Đạt
20	2213240078	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	27/12/1997	02DS14B1	8.4	Đạt
21	2213180010	Trần Thị Hoàng Yến	Nhi	01/12/1990	02DS14B1	8.1	Đạt
22	2213240182	Đặng Tuyết	Nhi	03/11/2000	02DS14B1	3.7	Thi lại
23	2213180038	Tạ Tiến	Phát	29/06/1993	02DS14B1	7.5	Đạt

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC HK2
MÔN: HÓA DƯỠC - DƯỠC LÝ 1

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBM Lần 1	
					TB Môn	KQ1
24	2213180066	Trần Đức Phúc	09/10/1972	02DS14B1	7.9	Đạt
25	2213360044	Phạm Hoàng Phước	15/02/2004	02DS14D1	6.0	Đạt
26	2213180012	Nguyễn Lan Phương	10/02/1982	02DS14B1	0.0	Học lại
27	2213240075	Thới Hợp Phương	20/12/1996	02DS14B1	8.0	Đạt
28	2213240205	Bùi Trúc Phương	11/05/2002	02DS14B1	2.1	Thi lại
29	2213180068	Phạm Thị Phương	03/08/1979	02DS14B1	8.7	Đạt
30	2213180022	Vũ Thị Quyên	02/12/1990	02DS14B1	8.6	Đạt
31	2213240113	Quách Nguyễn Lệ Quyên	12/04/1978	02DS14B1	8.7	Đạt
32	2213240103	Nguyễn Thị Tâm	09/04/1989	02DS14B1	8.5	Đạt
33	2213180024	Hoàng Thị Thảo	10/09/1990	02DS14B1	7.5	Đạt
34	2213180034	Bùi Thị Thảo	13/09/1982	02DS14B1	8.1	Đạt
35	2213180048	Mai Quốc Thịnh	19/11/1987	02DS14B1	1.5	Học lại
36	2213180026	Nguyễn Văn Thọ	15/12/1992	02DS14B1	9.7	Đạt
37	2213180047	Phạm Thị Thu	19/07/1980	02DS14B1	8.0	Đạt
38	2213240042	Đỗ Ngọc Thực	28/12/2000	02DS14B1	8.3	Đạt
39	2213240147	Lê Thị Thương	10/07/1998	02DS14B1	9.4	Đạt
40	2213240055	Phan Thị Thanh Thúy	20/09/1998	02DS14B1	6.4	Đạt
41	2213180009	Phạm Thị Thanh Thủy	23/09/1993	02DS14B1	9.0	Đạt
42	2213240185	Huỳnh Phạm Kiều Trâm	02/10/1996	02DS14B1	1.6	Học lại
43	2213240076	Đỗ Quế Trân	22/11/2001	02DS14B1	7.3	Đạt
44	2213240172	Trịnh Ngọc Thùy Trang	26/11/1996	02DS14B1	8.3	Đạt
45	2213360341	Trần Thị Thùy Trang	16/03/2002	02DS14D1	1.5	Học lại
46	2213360162	Quách Nguyễn Hoài Trinh	10/03/1976	02DS14D1	1.3	Học lại

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC HK2
MÔN: HÓA DƯỢC - DƯỢC LÝ 1

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBM Lần 1	
					TB Môn	KQ1
47	2213180053	Huỳnh Thị Quỳnh Trúc	02/10/1981	02DS14B1	1.6	Học lại
48	2213180058	Nguyễn Thành Trung	17/10/1987	02DS14B1	0.0	Học lại
49	2213180011	Đàm Ngọc Cẩm Tú	07/01/1992	02DS14B1	8.9	Đạt
50	2213240130	Lê Thị Yến Vi	28/04/2003	02DS14B1	1.6	Học lại
51	2213360271	Nguyễn Thế Vinh	26/01/2005	02DS14D1	0.7	Học lại
52	2213180052	Nguyễn Thị Yến	07/03/1995	02DS14B1	6.0	Đạt
53	2213360130	Cao Thụy Minh Nguyệt	11/23/1989	02DS14D1	9.1	Đạt
54	2203240167	Nguyễn Đại Nghĩa	02/08/1994	02DS13B1	7.0	Đạt

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC HK2
MÔN: HÓA DƯỠC - DƯỠC LÝ 2

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBM Lần 1		
					TB Môn	KQ1	
1	2213180023	Ngô Hồng Ngọc	Anh	26/05/1997	02DS14B1	7.5	Đạt
2	2213180051	Lê Thị Mỹ	Anh	24/04/1994	02DS14B1	8.5	Đạt
3	2213180039	Huỳnh Thị Kim	Cương	23/08/1984	02DS14B1	6.3	Đạt
4	2213240091	Thân Thị Hồng	Đào	24/11/1981	02DS14B1	6.6	Đạt
5	2213240191	Nghiêm Bảo	Duy	30/08/1991	02DS14B1	9.6	Đạt
6	2213360339	Nguyễn Thị Xuân	Hân	06/12/1998	02DS14D1	7.4	Đạt
7	2213180027	Võ Thị Kim	Hằng	25/02/1994	02DS14B1	8.7	Đạt
8	2213360331	Trần Thị Thanh	Hằng	07/01/1996	02DS14D1	0.0	Học lại
9	2213360046	Trần Tấn	Hào	08/04/2000	02DS14D1	6.6	Đạt
10	2213240151	Ngô Hữu	Hiếu	26/04/1971	02DS14B1	0.0	Học lại
11	2213240051	Lê Thị Tuyết	Hoa	08/05/1997	02DS14B1	9.6	Đạt
12	2213240198	Lê Thái	Hòa	22/02/1996	02DS14B1	7.8	Đạt
13	2213180059	Nguyễn Thị	Huỳnh	29/06/1991	02DS14B1	9.7	Đạt
14	2213180031	Bùi Thiện	Khánh	14/07/1994	02DS14B1	8.9	Đạt
15	2213240046	Nguyễn Thị Thanh	Kiều	20/06/1987	02DS14B1	8.7	Đạt
16	2213240012	Lê Thị	Mai	02/11/1982	02DS14B1	0.0	Học lại
17	2213240073	Lê Thị Tuyết	Mai	11/06/1995	02DS14B1	9.7	Đạt
18	2213180067	Lê Thị Hồng	Mai	18/05/1983	02DS14B1	8.8	Đạt
19	2213240159	Trần Thụy Kim	Ngân	10/12/1989	02DS14B1	8.2	Đạt
20	2213240078	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	27/12/1997	02DS14B1	8.9	Đạt
21	2213180010	Trần Thị Hoàng Yến	Nhi	01/12/1990	02DS14B1	8.7	Đạt
22	2213240182	Đặng Tuyết	Nhi	03/11/2000	02DS14B1	3.9	Thi lại
23	2213180038	Tạ Tiến	Phát	29/06/1993	02DS14B1	7.9	Đạt
24	2213180066	Trần Đức	Phúc	09/10/1972	02DS14B1	8.3	Đạt
25	2213360044	Phạm Hoàng	Phước	15/02/2004	02DS14D1	7.8	Đạt

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC HK2
MÔN: HÓA DƯỠC - DƯỠC LÝ 2

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBM Lần 1	
					TB Môn	KQ1
26	2213180012	Nguyễn Lan Phương	10/02/1982	02DS14B1	0.0	Học lại
27	2213240075	Thới Hợp Phương	20/12/1996	02DS14B1	7.3	Đạt
28	2213240205	Bùi Trúc Phương	11/05/2002	02DS14B1	2.2	Thi lại
29	2213180068	Phạm Thị Phương	03/08/1979	02DS14B1	8.2	Đạt
30	2213180022	Vũ Thị Quyên	02/12/1990	02DS14B1	8.1	Đạt
31	2213240113	Quách Nguyễn Lê Quyên	12/04/1978	02DS14B1	8.2	Đạt
32	2213240103	Nguyễn Thị Tâm	09/04/1989	02DS14B1	7.9	Đạt
33	2213180024	Hoàng Thị Thảo	10/09/1990	02DS14B1	6.6	Đạt
34	2213180034	Bùi Thị Thảo	13/09/1982	02DS14B1	7.9	Đạt
35	2213180048	Mai Quốc Thịnh	19/11/1987	02DS14B1	0.0	Học lại
36	2213180026	Nguyễn Văn Thọ	15/12/1992	02DS14B1	9.6	Đạt
37	2213180047	Phạm Thị Thu	19/07/1980	02DS14B1	3.1	Thi lại
38	2213240042	Đỗ Ngọc Thực	28/12/2000	02DS14B1	6.6	Đạt
39	2213240147	Lê Thị Thương	10/07/1998	02DS14B1	9.9	Đạt
40	2213240055	Phan Thị Thanh Thúy	20/09/1998	02DS14B1	6.1	Đạt
41	2213180009	Phạm Thị Thanh Thủy	23/09/1993	02DS14B1	8.8	Đạt
42	2213240185	Huỳnh Phạm Kiều Trâm	02/10/1996	02DS14B1	0.0	Học lại
43	2213240076	Đỗ Quế Trân	22/11/2001	02DS14B1	6.2	Đạt
44	2213240172	Trịnh Ngọc Thùy Trang	26/11/1996	02DS14B1	7.5	Đạt
45	2213360341	Trần Thị Thùy Trang	16/03/2002	02DS14D1	0.0	Học lại
46	2213360162	Quách Nguyễn Hoài Trinh	10/03/1976	02DS14D1	1.5	Học lại
47	2213180053	Huỳnh Thị Quỳnh Trúc	02/10/1981	02DS14B1	0.0	Học lại
48	2213180058	Nguyễn Thành Trung	17/10/1987	02DS14B1	0.0	Học lại
49	2213180011	Đàm Ngọc Cẩm Tú	07/01/1992	02DS14B1	8.1	Đạt
50	2213240130	Lê Thị Yến Vi	28/04/2003	02DS14B1	0.6	Học lại

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC HK2
MÔN: HÓA DƯỢC - DƯỢC LÝ 2

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBM Lần 1	
						TB Môn	KQ1
51	2213360271	Nguyễn Thế	Vinh	26/01/2005	02DS14D1	0.3	Học lại
52	2213180052	Nguyễn Thị	Yến	07/03/1995	02DS14B1	7.5	Đạt
53	2213360130	Cao Thụy Minh	Nguyệt	11/23/1989	02DS14D1	7.9	Đạt
54	2203360318	Bùi Thị Kim	Ngân	09/02/1990	02DS14C1	8.7	Đạt
55	2203360045	Vũ Minh	Tự	05/09/2000	02DS13D1	7.2	Đạt